

Bản án số:260/2026/HS-PT

Ngày:28/05/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Huân

Bà Vũ Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/05/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 279/2026/TLPT-HS, ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Tô Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 234/2026/HSST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 269/QĐXXPT- HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo có kháng cáo:

Tô Văn T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tô Văn N, sinh năm 1964 và con bà Đặng Thị N1, sinh năm 1963; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ 08/01/2026; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam H thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không kháng cáo vì không được Tòa án triệu tập: Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn V, Hà Quang H1, Hà Ngọc Đ.

- Bị hại không kháng cáo và không được Tòa án triệu tập: Hà Văn H2, Đỗ Diệu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/07/2025, Đỗ Diệu T1 đến làm nhân viên phục vụ rót bia, chọn bài tại quán K, chủ quán tên là Nguyễn Việt H. Quá trình làm việc, T1 đã xin Nguyễn Việt H cho ứng trước số tiền 37.900.000 đồng, sau đó T1 trả nợ dần. Đến ngày 05/07/2025, T1 đã tự ý bỏ việc đến làm nhân viên quán Karaoke của anh Hà Văn H2 làm chủ ở khu vực Khu công nghiệp B, tỉnh Phú Thọ, nhưng T1 vẫn sử dụng số điện thoại liên lạc và có ý thức làm kiếm tiền trả nợ. Nhận thấy, T1 đang nợ tiền của H mà tự ý bỏ đi nên H đã cùng với Nguyễn Văn V đến Khu công nghiệp B để tìm T1 đòi tiền nhưng không tìm được.

Tối ngày 07/7/2025, T1 nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho nhân viên của quán K tên “Lệ” (chưa xác định được nhân thân lai lịch) nói chuyện, qua câu chuyện giữa hai người, T1 rủ L đi lên Khu công nghiệp B cùng làm nhân viên phục vụ. Sau đó L kể lại cuộc nói chuyện với T1 cho V nghe. V biết được tin về T1, liền gọi điện cho H để báo tin, H chỉ đạo V *“dụ nó xuống để bắt nó trả tiền”*. Lúc này, V bảo với L nói lại với T1 là *“cứ bảo T1 xuống đi”*. L và T1 nhắn tin qua lại hẹn thời gian địa điểm xuống đón L. Sau khi hẹn Lệ xong, T1 đã rủ anh Hà Văn H2 là quản lý quán Karaoke nơi T1 đang làm việc) để đi cùng. H2 thuê xe ô tô taxi của anh Tạ Văn Q chở T1 và H2 đi đón L.

Sau khi biết việc T1 và H2 đang đến đón L thì V gọi điện thoại báo cho H biết. H đã gọi điện chỉ đạo V và Hà Ngọc Đ, Hà Quang H1 chờ chặn đánh nhóm của T1 để đòi tiền. V và Đ chuẩn bị hung khí là gậy bóng chày, chổi đứng chờ ở khu vực cổng chào thôn P. H1 đứng chờ ở khu vực trạm xăng K1. Còn H ngồi ở quán ăn Đ1 ở khu vực chợ Đ2, xã P, để chờ T1 đến.

Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 08/7/2025, anh Tạ Văn Q điều khiển xe ô tô nhãn hiệu FORD TERRITORY, màu trắng, biển kiểm soát 88A-560.81, do anh H2 thuê để chở H2 và T1 đến đón L, khi xe của Q đi đến khu vực xã P thì H phát hiện nên đã điều khiển xe ô tô Hyundai I10, biển kiểm soát 30H-237.48 đuổi theo chặn đầu xe của Q lại. Còn H1 điều khiển xe mô tô chặn phía sau. H xuống xe đi đến mở cửa xe bên phụ kéo T1 xuống và quát *“sao mày liều thế dám xuống đây đón người của tao đi nữa à?”*. H1 lôi anh H2 xuống, dùng tay chân đâm đá vào người H2 nhiều cái. Cùng lúc này, V và Đ đi tới, dùng gậy, chổi vụt nhiều cái và dùng chân, tay đâm đá vào người anh H2. Sau đó, H bảo V, H1, Đ đưa chị T1 và anh H2 về quán K giữ lại.

Lúc này, trong quán K có Tô Văn T là nhân viên quầy lễ tân đang trông coi quán nhìn thấy H, V, H1, Đ áp giải chị T1 và anh H2 vào trong quán. Nghe thấy H nói với T: *“mày rút camera để anh đánh cho bọn này một trận”*, T nghe và làm theo H chỉ đạo. T đi tắt hệ thống camera của quán để nhóm H đánh T1 và H2 nhằm buộc T1 trả nợ. Lúc này, H, V, Đ, H1 đứng xung quanh T1 và H2 rồi H, V và Đ dùng chân tay không lao vào đánh liên tiếp vào vùng đầu, mặt, người anh H2. H quát: *“mày biết đây là ở đâu không mà tự ý xuống đón người?”*, tiếp đó H tát vào mặt T1 thì T1 quỳ xuống van xin, H nói *“cứ ngồi đàng hoàng nói chuyện và gọi*

người xuống thanh toán cho tao số tiền nợ thì mới được về”. T1 đáp: “thế giờ em nợ anh bao nhiêu, để em bảo chủ trả tiền cho em” thì H nói “mày nợ tao 37.900.000 đồng và cộng thêm cả tiền chi phí anh em đi tìm mày là thêm 10.000.000 đồng” nhưng sau đó H bảo chỉ cần trả đủ số tiền 37.900.000 đồng. T1 nói với H “anh đợi em một lúc, em gọi cho chủ để chuyển tiền”, rồi T1 lấy điện thoại ra gọi điện video và nhắn tin M cho Trịnh Như L1 với nội dung “anh ơi, em nợ tiền dưới này, anh trả tiền cho em” thì L1 nói “thế mày nợ ở đâu, nợ người ta bao nhiêu tiền” rồi tắt máy. Sau đó, L1 gọi lại cho T1 thì H nghe điện thoại và nói “con T1 nó trốn ở chỗ tôi, ông xem có trả nợ cho nó không hay như thế nào để tôi còn biết”. L1 bảo H gửi mã QRcode số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền, H gửi mã cho L1 nhưng không thấy nhận được tiền nên H tiếp tục quần khấn vào tay, đâm vào bụng, ngực của T1 04 cái, dùng tay vít ghế T1 đang ngồi làm T1 ngã ra sàn. Sau đó, H tiếp tục dùng chân đá vào vùng bụng, dùng tay day vào bụng thì T1 có nói “anh ơi cho em xin”. Thấy vậy, H quay sang đâm vào bụng Hào 03- 04 cái rồi dừng lại. Sau đó, H, H1, Đ đi ra ngoài và chỉ đạo V ở lại trông T1 và H2 để đợi L1 chuyển tiền trả nợ do T1 vay của H. Trong lúc H, H1, Đ đang ngồi ăn đêm tại khu vực xã Đ (nay xã P) thì H gọi điện cho T hỏi “em đang đâu đấy? Em về trông quán và xử lý việc giúp anh”, thì T đồng ý. Khoảng 15 phút sau, lực lượng Công an xã P tiếp nhận sự việc và đến xác minh sự việc theo đơn trình báo của anh Tạ Văn Q. Chị Đỗ Diệu T1 và anh Hà Văn H2 bị thương tích tại vùng mặt, cánh tay được đưa đi sơ cứu điều trị. Ngày 09/7/2025 Nguyễn Việt H, Hà Ngọc Đ, Nguyễn Văn V và Hà Quang H1 đến Công an xã P đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời tiến hành truy tìm các vật chứng liên quan, nhưng đều không thu giữ được.

- 01 (một) gậy bóng chày và 01 (một) chổi do V và Đ sử dụng vụt đánh gây thương tích cho H2 và T1. Tuy nhiên, sau khi sử dụng xong các đối tượng vụt trên đường đi. Cơ quan điều tra đã có thông báo truy tìm nhưng đến nay chưa xác định được.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai I10, biển kiểm soát 30H-237.48 do H điều khiển chặn xe của T1, xe ô tô trên H tự ý sử dụng của chị Nguyễn Thị H3 (là chị gái H), chị H3 không biết H đi đâu làm gì. Chị H3 khai giữa tháng 7 năm 2025 đã bán chiếc xe ô tô trên thông qua mạng xã hội không rõ nhân thân người mua, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không có kết quả nên không thu giữ được.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, không có biển kiểm soát, do H1 điều khiển chặn xe T1. Sau khi sử dụng xe mô tô trên H1 để ở trước cửa quán K rồi bị mất, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không có kết quả nên không thu giữ được.

Tại bản Kết luận giám định số 6572/KL-KTHS ngày 29/8/2025 của V1 Bộ C, kết luận thương tích của Hà Văn H2: “Gãy xương chính mũi không di lệch, không

ảnh hưởng chức năng thở: 07%. Sẹo mặt trước 1/3 giữa mũi trái kích thước nhỏ, không ảnh hưởng chức năng: 01%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Hà Văn H2 tại thời điểm giám định là: 08%. Các tổn thương vùng mũi và 1/3 giữa mũi trái của anh Hà Văn H2 do vật tày gây ra. Do vùng trán, vùng má trái, khoang miệng, lưng phải, ngực phải không còn dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích”.

Tại Kết luận giám định số 1591/KLTTCT-TTPY ngày 31/12/2025 của Trung tâm pháp y, Sở Y đối với Đồ Diệu T2: “Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của cháu Đồ Diệu T1 tại thời điểm giám định là 0%. Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích của cháu Đồ Diệu T1 do vật tày gây ra.”

Đối với người nữ giới tên “Lệ”: Cơ quan điều tra đã xác minh, truy tìm đối với L, tuy nhiên không xác định được thông tin, nhân thân, lai lịch của L. Các đối tượng đều khẳng định L không biết việc H chỉ đạo V, Đ, H1 chặn đánh anh H2, chị T1 để đòi tiền, không bàn bạc, không được hứa hẹn hưởng lợi gì từ việc trên. Quá trình xảy ra sự việc L không tham gia việc bắt, giữ, đòi tiền. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với việc chị Đồ Diệu T1 vay số tiền 37.900.000 đồng của Nguyễn Việt H: sau khi vay tiền và làm việc tại quán, chị T1 không có nhu cầu tiếp tục làm việc do bị gò bó nên đã tự ý đi tìm việc làm khác, không có ý định bỏ trốn hay chiếm đoạt số tiền trên của Nguyễn Việt H. Nhận thấy, việc vay mượn này chỉ là quan hệ tranh chấp dân sự, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với thương tích của anh Hà Văn H2 với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 08%, do vật tày gây ra. Tuy nhiên, anh H2 không có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, bị can, không có đề nghị xử lý. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối tượng gây thương tích cho anh Hà Văn H2.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hà Văn H2, chị Đồ Diệu T1 không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Chị T1 đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra, Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn V, Hà Ngọc Đ, Hà Quang H1 và Tô Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội đã truy tố: Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn V, Hà Ngọc Đ, Hà Quang H1 về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự và tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; Tô Văn T về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 234/2026/HSST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Hà Nội đã xử phạt bị cáo Tô Văn T 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo khác, án phí, xử lý vật

chứng và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Tô Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử : Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tô Văn T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 234/2026/HSST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Hà Nội . Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tô Văn T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Tô Văn T đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định và kháng cáo của bị cáo là hợp lệ về hình thức nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ lời khai của các bị cáo khác, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 08/7/2025, tại khu vực đường Q thuộc thôn P, xã P, thành phố Hà Nội, các bị cáo Nguyễn Việt H, Hà Ngọc Đ, Hà Quang H1 và Nguyễn Văn V không có thẩm quyền bắt, giữ anh Hà Văn H2 và cháu Đỗ Diệu T1 theo quy định của pháp luật nhưng đã có hành vi chặn đầu xe ô tô, lôi anh H2, cháu T1 xuống khỏi xe ô tô và đưa về quán K và giữ tại quán.

Quá trình bắt, giữ, các bị cáo dùng gậy, chổi vọt nhiều cái, dùng chân, tay đánh cháu T1 và anh H2 buộc cháu T1 phải gọi điện thoại cho người khác để trả nợ thay 37.900.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Cướp tài sản*”. Tô Văn T biết và thấy Nguyễn Việt H, Hà Ngọc Đ, Hà Quang H1 và Nguyễn Văn V đánh T1 và H2 để đòi nợ. Theo sự chỉ đạo của H, T đã tắt hệ thống camera an ninh của quán nhằm không để ghi lại hình ảnh âm thanh sự việc xảy ra.

Hành vi của các bị cá H, Đ, H1 và V đã phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Đối với 02 người trở lên*” và “*Đối với người dưới 18 tuổi*” theo quy định tại điểm đ, c khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo H, Đ, H1, V và T đã phạm tội “*Cướp tài sản*” với tình tiết định

khung hình phạt “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội xét xử là đúng hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Tô Văn T, HĐXX thấy:

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; Bị cáo ra đầu thú nên HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS đối với bị cáo T.

Về vai trò của bị cáo trong vụ án: Trong vụ án trên bị cáo T không dùng vũ lực mà chỉ tham gia với vai trò giúp sức cho các bị cáo, khi được H yêu cầu, T đã cắt camera để không ghi lại hành vi của các bị cáo, do đó bị cáo T có vai trò thứ yếu trong vụ án này. Tòa án sơ thẩm đánh giá vai trò của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng quy định tại Điều 54 BLHS đối với bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên, HĐXX thấy bị cáo có vai trò giúp sức đơn giản trong vụ án, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC do đó HĐXX xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội lao động, trở thành công dân có ích.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tô Văn T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 234/2026/HSST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Hà

Nội như sau:

1. Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Áp dụng pháp luật và hình phạt:

- Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tô Văn T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác.

Giao bị cáo Tô Văn T cho Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Tô Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Hà Nội;
- TAND Khu vực 6 – Hà Nội;
- VKSND Khu vực 6 – Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Mạnh Cẩm Yên

